

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị H, sinh năm 1978; cư trú tại: số m, đường Nguyễn Hữu T, tổ 15, khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông Trần Văn Y, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 15, khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Y tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 tới nay mà không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống từ năm 2020. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà và ông Y có 02 con chung là Trần Minh N, sinh năm 2000 và Trần Thị Kiều T, sinh năm 2002. Hiện nay con chung trên 18 tuổi, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Trần Văn Y trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà H về quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông vẫn còn thương vợ nhưng bà H đã cương quyết nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Trần Minh N, sinh năm 2000 và Trần Thị Kiều T, sinh năm 2002 đúng như bà H trình bày. Hiện nay con chung trên 18 tuổi, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà H và ông Y vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y là vợ chồng. Về con chung: trên 18 tuổi, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là hợp pháp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống như với nhau như vợ chồng từ năm 1996 mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Y không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y có 02 con chung là Trần Minh N, sinh năm 2000 và Trần Thị Kiều T, sinh năm 2002. Hiện nay con chung trên 18 tuổi, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y.

2. Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y có 02 con chung là Trần Minh N, sinh năm 2000 và Trần Thị Kiều T, sinh năm 2002. Hiện nay con chung trên 18 tuổi, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003570 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn Y có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu.D

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh- đã ký

